

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HS-ST

Ngày 13 - 7 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Đình Hưng.

2. Ông Ma Ngọc Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Mai Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2023/HSST, ngày 01 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Hoàng Văn P, sinh ngày: 29 tháng 7 năm 1990; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn C, xã V, huyện B, tỉnh B; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Con ông Hoàng Văn P1 (đã chết) và bà Mông Thị Đ (đã chết); Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: không; Tiền án: 01 tiền án (Ngày 08/11/2021, Hoàng Văn P bị Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự. Ngày 06/8/2022, Hoàng Văn P chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương, chưa được xóa án tích).

Nhân thân: Ngày 12/6/2017, bị Cơ quan CSĐT Công an khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Ngày 12/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B ra Quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ vụ án đối với bị can theo khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự; Ngày 18/11/2020, bị Công an huyện N, tỉnh B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép tài sản của người khác”, mức phạt 1.500.000 đồng (tính đến ngày 23/3/2023, được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính).

Bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B từ ngày 24/3/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại: Vũ Văn S** , sinh năm 1990. (Vắng mặt có lý do).

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh C.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hoàng Văn D** , sinh năm 1976. (Vắng mặt có lý do).

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 23/3/2023, Hoàng Văn P mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97B1 – 236.94 của ông Hoàng Văn D (là chú ruột của P) rồi một mình điều khiển xe đi từ nhà tại thôn C, xã V, huyện B, tỉnh B đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn với mục đích để tìm bạn. Khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày, P đến khu nhà C Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn để tìm bạn nhưng không gặp. Tại đây, P gặp anh Vũ Văn S (đang chăm sóc điều trị tại Bệnh viện) nên P đã nói chuyện làm quen với anh S. Qua nói chuyện, P nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh S, nhưng lúc này P chưa xác định sẽ lấy tài sản gì. P tự giới thiệu tên là Trung rồi rủ anh S đi uống nước thì anh S đồng ý. Sau đó, P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 97B1 – 236.94 chở anh S đến quán nước ở khu vực đầu Cầu Phà Bắc Kạn và ngồi uống nước, nói chuyện với nhau. Lúc này, P nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền và điện thoại của anh S để sử dụng. Để thực hiện ý định, P điều khiển xe mô tô chở anh S đi lòng vòng trong khu vực thành phố Bắc Kạn, khi đến khu vực đối diện nhà thi đấu đa năng tỉnh Bắc Kạn, P hỏi mượn anh S 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và nói dối là để P mua cơm cho hai bố con anh S, thì anh S đồng ý và đưa cho P 02 (hai) tờ tiền, mỗi tờ mệnh giá 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng). Khi đến khu vực tổ K, phường H, thành phố B (gần K), P bảo anh S đưa điện thoại cho P mượn để P gọi người mang cơm đến Bệnh viện cho bố con anh S. Do tin tưởng nên anh S đồng ý và đưa cho P chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu TECNO BD4 32+2 B màu xanh, có ốp màu đen, bên trong lắp sim số thuê bao 0886.067.413 để P gọi điện. Sau khi mượn được điện thoại, P giả vờ đưa điện thoại của anh S lên tai và nói chuyện (thực chất là P không gọi cho ai) để anh S thêm tin tưởng. Sau đó, P nói dối anh S là đoạn đường phía trước có Cảnh sát giao thông, do anh S không đội mũ bảo hiểm nên để tránh bị xử phạt thì anh S xuống đi bộ một đoạn, P đi xe mô tô qua chốt của Cảnh sát giao thông sẽ dừng đón anh S. Anh S đồng ý xuống xe và đi bộ về đến Bệnh viện đa khoa Bắc Kạn thì không thấy có chốt Cảnh sát giao thông nào và không thấy P đâu, đồng thời không thấy ai mang cơm đến cho anh S. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, anh S nghi ngờ mình bị P lừa nên đã đến Công an phường Huyền Tung, thành phố B trình báo sự việc.

Về phía Hoàng Văn P, sau khi S xuống xe thì P điều khiển xe mô tô đi về nhà tại thôn C, xã V, huyện B. Trên đường về, P đã chi tiêu cá nhân hết số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) chiếm đoạt được của anh S. Về đến nhà, P tháo sim số 0886.067.413 trong điện thoại của anh S lắp vào điện thoại di động nhãn hiệu Huawei của P và tháo hai sim điện thoại của P là các số: 0565.630.185 và 0383.487.301 lắp vào chiếc điện thoại nhãn hiệu TECNO BD4 32+2 B chiếm đoạt được của anh S để sử dụng. Đến 20 giờ 30 ngày 23/3/2023, Công an xã V, huyện B phối hợp cùng Công an phường H, thành phố B kiểm tra, phát hiện Hoàng Văn P tại thôn C, xã V, huyện B nên đã lập biên bản sự việc, tạm giữ trên người P chiếc điện thoại di động nhãn hiệu TECNO BD4 32+2 B mà P chiếm đoạt của anh S và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei của P. Ngày 24/03/2023, Công an phường H chuyển toàn bộ hồ sơ cùng tang vật đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố B để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 100 ngày 30/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: “*Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu TECNO BD4 32+2 B có gắn sim số 0886067413 điện thoại mua tháng 02 năm 2022, giá trị tài sản là 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng)*”.

Như vậy, tổng trị giá tài sản mà Hoàng Văn P đã lừa đảo chiếm đoạt của anh Vũ Văn S là 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng).

* Về vật chứng: Các vật chứng được tạm giữ, bảo quản và xử lý như sau:

- Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97B1 – 236.94, qua điều tra xác định là xe của ông Hoàng Văn D. Ngày 23/3/2023, P hỏi mượn xe của ông D nói là đi có việc, ông D không biết P điều khiển xe đi đâu, làm gì nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông D.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu TECNO BD4 32+2 B màu xanh, có ốp màu đen, loại điện thoại cảm ứng, cùng 01 sim số thuê bao 0886.067.413 là điện thoại P chiếm đoạt của anh Vũ Văn S, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại trên cho anh S.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI, màn hình và mặt sau bị vỡ, cùng 02 sim số thuê bao 0565.630.185, 0383.487.301 tạm giữ của Hoàng Văn P, hiện đang được nhập kho vật chứng bảo quản theo quy định.

* Về trách nhiệm dân sự: Anh Vũ Văn S sau khi nhận lại tài sản và tiền bồi thường không có yêu cầu, đề nghị gì thêm; ông Hoàng Văn D sau khi nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo P phải bồi thường về dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố tại bản cáo trạng số 47/CT - VKSTPBK ngày 31/5/2023 truy tố bị cáo Hoàng Văn P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tại bản luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cụ thể như sau:

- Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Hoàng Văn P phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 174; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn P từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/3/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

- Về Vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI, màn hình và mặt sau bị vỡ, cùng 02 sim số thuê bao 0565.630.185, 0383.487.301.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo P nói lời sau cùng, có ý kiến mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Kạn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Ngày 23/3/2023, tại thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Hoàng Văn P thực hiện hành vi đưa ra thông tin gian dối rồi chiếm đoạt tài sản gồm 200.000 đồng tiền mặt và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu TECNO BD4 32+2 B màu xanh, có ốp màu đen, trị giá 900.000 đồng của anh Vũ Văn S. Sau khi chiếm đoạt tài sản, P đã tiêu xài cá nhân hết số tiền 200.000 đồng, còn chiếc điện thoại di động của anh S, P giữ lại để sử dụng thì bị Cơ quan Công an phát hiện, thu giữ.

Trước đó, ngày 08/11/2021, Hoàng Văn P bị Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 06/8/2022, Hoàng Văn P chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương, chưa được xóa án tích. Như vậy, tuy giá trị tài sản mà P chiếm đoạt vào ngày 23/3/2023 chưa đến 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) nhưng hành vi lần này của P đã đủ

yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự. Điều luật có nội dung quy định như sau:

“Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 03 năm:

.....

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng....”

[3] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu: Đã 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép tài sản của người khác”, đã được xóa tiền sự; có 01 lần bị khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản”, sau đó được đình chỉ vụ án đối với bị can theo khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự;

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tác động người thân bồi thường cho bị hại; Hành vi phạm tội của bị cáo gây thiệt hại không lớn. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

[4] Xét hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Sau khi xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Xét thấy bị cáo có sức khỏe nhưng lười lao động, nên đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã từng bị khởi tố, kết án cùng về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục vi phạm pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có hình phạt nghiêm khắc, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích và để phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về vật chứng trong vụ án: + Đối với 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97B1- 263.94 đã qua sử dụng của ông Hoàng Văn D cho Hoàng Văn P mượn vào ngày 23/3/2023. Do ông D không biết việc P mượn chiếc xe mô tô trên rồi sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô cho ông Hoàng Văn D , Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI, màn hình và mặt sau bị vỡ, cùng 02 sim số thuê bao 0565.630.185, 0383.487.301 không liên quan đến hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Vũ Văn S sau khi nhận lại tài sản và tiền bồi thường không có yêu cầu, đề nghị gì thêm; ông Hoàng Văn D sau khi nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo P phải bồi thường về dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản, không có khả năng để thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Trong vụ án này có Hoàng Văn D là người đã cho Hoàng Văn P mượn xe mô tô biển kiểm soát 97B1- 263.94, P đã dùng chiếc xe trên để đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, do ông D không biết việc Hoàng Văn P mượn chiếc xe mô tô để sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông D, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo lại có đơn xin miễn án phí. Hội đồng xét xử xét thấy cần án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn P phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 174; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn P 10 (Mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/3/2023.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; Điều 106/BLTTHS 2015: Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI, màn hình và mặt sau bị vỡ, cùng 02 sim số thuê bao 0565.630.185, 0383.487.301. (*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận giữa Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn*).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí: Miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo P.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ/.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tpBK;
- Công an tpBK;
- Chi cục THADS tp BK;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn thư.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hiền